



BÀN VỀ TÍNH CHÂN THỰC CỦA DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

PG.S.TS. BÙI HOÀI SƠN*

TÓM TẮT

Tính chân thực là một chủ đề nhận được nhiều sự chú ý trong hoạt động quản lý di sản. Nếu như di sản văn hóa vật thể tương đối thống nhất trong quan niệm về tính chân thực thì di sản văn hóa phi vật thể không đạt được sự đồng thuận đó. Bài viết tập trung làm rõ những quan niệm về tính chân thực từ cách xử lý của UNESCO tới những vấn đề thực tiễn của Việt Nam.

Từ khóa: di sản; di sản văn hóa phi vật thể; tính chân thực; bảo tồn di sản; phát huy giá trị.

ABSTRACT

Authenticity is a topic receiving a lot of attention in heritage management activities. If physical cultural heritage is relatively agreed in the concept of authenticity, the intangible cultural heritage can not achieve that consensus. The paper focuses on clarifying the concept of authenticity from UNESCO's documents to the practical problems of Vietnam.

Key words: Heritage; Intangible Cultural Heritage; Authenticity; Heritage Safeguarding; Value Promotion.

1. Trong những năm vừa qua, quản lý di sản đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã tạo hành lang cho việc quản lý di sản tốt hơn, tạo điều kiện cho sự phát triển, không chỉ văn hóa, mà còn cả kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, không hẳn tất cả đều màu hồng và tích cực đối với hoạt động quản lý di sản. Nhiều vấn đề liên quan đến di sản đang đặt ra những thách thức, khó khăn cho hoạt động quản lý, như xác định các mô hình quản lý di sản, đặc biệt là các di sản được UNESCO công nhận, vai trò của cộng đồng, nghệ nhân và nhà nước trong việc bảo tồn giá trị di sản, mối quan hệ giữa di sản và phát triển du lịch,... trong đó có việc xác định tính chân thực của di sản. Câu hỏi đặt ra thường xuyên đối với những người quản lý và thực hành di sản văn hóa phi vật thể là: Chúng ta xác định tính chân thực của di sản để

làm gì? Hay tính chân thực có quan trọng hay không với di sản?

2. Trên thực tế, tính chân thực được xem là tiêu chí căn bản để công nhận một địa điểm di sản vào danh sách di sản thế giới. Tuy nhiên, đến những năm 1990, khái niệm tính chân thực bị chỉ trích rất nhiều bởi các nhà nghiên cứu, đặc biệt khi các nhà hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nhấn mạnh đến tính tương đối của văn hóa trong Hội nghị Nara (Nhật Bản) năm 1994. Điều này dẫn đến việc UNESCO đã có sự mở rộng hơn cho khái niệm tính chân thực vào năm 2005 trong *Hướng dẫn thực hiện Công ước 1972* liên quan đến việc bảo vệ di sản tự nhiên và văn hóa thế giới. Nhưng, đối với di sản thiên nhiên, khái niệm tính chân thực - dù có gây ra nhiều tranh cãi - vẫn là hạt nhân quan trọng để công nhận di sản.

10 năm sau hội nghị năm 1994, một lần nữa, chủ đề về tính chân thực lại được bàn đến tại Hội nghị Nara 2004 với chủ đề Bảo vệ di sản văn hóa vật

* Phó Viện trưởng
Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam



thể và phi vật thể: hướng tới một cách tiếp cận hợp nhất. Hội nghị này ra *Tuyên bố Yamato* về cách tiếp cận hợp nhất cho bảo vệ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, trong đó, các chuyên gia “xem xét rằng di sản văn hóa phi vật thể luôn thường xuyên được tái sáng tạo”¹, và nhấn mạnh rằng “thuật ngữ tính chân thực áp dụng cho di sản văn hóa vật thể không liên quan khi xác định và bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể”².

Ủy ban Di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO (ICH) chưa thực sự bàn đến *Tuyên bố Yamato* nhưng một số cuộc họp của Ủy ban đã gặp phải vấn đề liên quan đến tính chân thực này. Chẳng hạn, trong Kỳ họp thứ 5 của Ủy ban Liên chính phủ về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể được tổ chức ở Nairobi (Kenya) tháng 11 năm 2010, đối với 1 hồ sơ đệ trình của Mexico về ẩm thực truyền thống, nước này có đưa vào thuật ngữ “thể hiện tính chân thực” vào tên của di sản. Một kiến nghị được đưa ra bởi đoàn đại biểu Maroc để nghị loại bỏ thuật ngữ “tính chân thực” ra khỏi tên di sản vì nó không tuân theo tinh thần của *Công ước 2003*, và thực tế là đoàn đại biểu Mexico đã đồng ý với kiến nghị này của đoàn Maroc. Hồ sơ đệ trình sau khi sửa tên đã được thông qua, và như vậy, kiến nghị của đoàn Maroc một lần nữa đã gọi lại 1 vấn đề quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể - tính chân thực!

Năm 2012, trong một báo cáo của tổ thư ký Ủy ban Di sản văn hóa phi vật thể đã chỉ ra một số từ ngữ không phù hợp trong các hồ sơ đệ trình, trong đó có những từ như: “sự độc đáo duy nhất hoặc quý hiếm của các di sản đặc biệt, sự nổi bật hoặc đặc điểm quý báu, bản chất nghệ thuật cao, liên quan đến bản chất và tính chân thực...”. Đặc biệt, ban thư ký đã chỉ ra trong số các biện pháp bảo vệ di sản “có một vài nỗ lực nhằm mục đích tạo ra một dạng nguyên sơ hay kinh điển cho di sản hay bảo tồn những đặc điểm nguyên gốc của chúng”³. Kết luận, ban thư ký thúc giục các quốc gia tôn trọng “cả tinh thần và từ ngữ của Công ước - vốn không hướng tới mục đích thúc đẩy sự cạnh tranh của các di sản hoặc sửa chữa di sản để trở thành các dạng đồng lạnh hoặc lý tưởng hóa”⁴.

3. Liên quan đến tính chân thực của di sản, gần đây, các nhà khoa học bàn nhiều đến khái niệm di sản như một sự thật mang tính lịch sử. Khi chúng ta nói về “di sản như là một sự thực mang tính lịch sử”, chúng ta cũng cần lưu ý đến một quan điểm khoa học là, chân lý khách quan phụ thuộc vào

hoàn cảnh (không gian - thời gian - cách tiếp cận), và quan điểm về sự tồn tại của một vài chân lý khách quan. Ý tưởng này dẫn chúng ta đến một nghi ngờ khoa học về tính “chân lý khách quan” của một sự vật hay hiện tượng. Trong trường hợp di sản, các di sản tồn tại như một sự thực khách quan, được biện giải bởi những chứng cứ khoa học và lịch sử. Tuy nhiên, chúng ta cũng đồng ý rằng, khi lịch sử được xử lý thành di sản, bằng chứng khoa học đã mất đi giá trị của nó, để “di sản tạo ra hiện thực riêng cho nó”⁵.

Các nhà khoa học xã hội hiện nay luôn đặt ra câu hỏi rất thực tế: Di sản cho ai? hơn là đi tìm câu trả lời cho tính chân thực của di sản. Di sản là một sản phẩm của thời hiện tại, phát triển nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của hiện tại đối với nó và được định hình bởi những yêu cầu ấy. Nó tạo ra hai loại liên kết liên thế hệ, theo đó cả hai đều được xác định bởi thời hiện tại. Thời hiện tại lựa chọn một di sản từ một quá khứ được ngưỡng tượng ra cho mục đích hiện tại và quyết định những gì nên được chuyển giao cho một tương lai mà xã hội ấy mong chờ. Đây chỉ là một sự mở rộng của ý tưởng rằng “tất cả lịch sử đều là lịch sử đương đại”; “quá khứ thông qua con mắt của thời hiện tại”. Chính vì vậy, cả lịch sử và di sản sử dụng quá khứ một cách có lựa chọn cho mục đích hiện thời và biến đổi nó thông qua sự giải thích. Lịch sử là những gì mà một nhà lịch sử xem rằng có giá trị để ghi chép lại và di sản là những gì mà xã hội đương đại lựa chọn để kế thừa và chuyển giao cho các thế hệ tương lai. Michael Hitchcock cho rằng, di sản không đơn thuần chỉ là quá khứ. Quá khứ là nguyên liệu ban đầu để cho mỗi thế hệ phát hiện lại di sản cho chính mình⁶. Chính vì lý do đó, tính chân thực của di sản, đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể cần phải được cân nhắc cẩn thận để tránh việc quá đề cao tính chân thực sẽ ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của di sản.

4. Tính chân thực của di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam cũng gặp những vấn đề riêng. Dù không phải tất cả, nhưng nhiều nhà quản lý vẫn đòi hỏi di sản văn hóa (trong đó có di sản văn hóa phi vật thể) cần phải chứng minh được tính nguyên gốc hay tính chân thực của mình. Tuy nhiên, khó khăn cho hoạt động quản lý di sản ở đây là: nhiều khi các nhà quản lý và các nhà khoa học muốn truy nguyên nguồn gốc của các di sản, như lễ hội truyền thống chẳng hạn, để trên cơ sở đó tuyên truyền,



Kiệu quay - Ảnh: Cao Quý

phát huy truyền thống văn hóa đó đối với cộng đồng. Điều này là một điều không phải là không nên làm. Tuy nhiên, đây là một công việc khó khăn, đòi hỏi nhiều sự giải mã qua các lớp thời gian, các sự kiện. Nhiều sự kiện của quá khứ không có nhiều manh mối có thể tìm kiếm ở thời kỳ hiện tại. Điều này càng khó khăn hơn đối với các sự tích, truyền thuyết vốn là hạt nhân tín ngưỡng của các lễ hội truyền thống. Bên cạnh đó, một điều quan trọng là người dân địa phương đã chấp nhận các câu chuyện truyền thuyết của cộng đồng họ mà không cần bất cứ một sự giải thích khoa học nào. Họ tiến hành lễ hội dựa trên những câu chuyện đó mà không cần bất cứ lý do khoa học nào can thiệp. Chính vì lẽ đó, nếu những lý giải khoa học đi ngược lại nguyện vọng tổ chức lễ hội của họ dựa trên những câu chuyện kể từ quá khứ thì công việc tổ chức, quản lý lễ hội ở địa phương sẽ gặp rất nhiều khó khăn không đáng có. Chính vì vậy, chủ trương không phục hồi hay thông tin đến người dân về các lễ hội có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng sẽ gây ra những vấn đề về quản lý lễ hội như chúng ta đã từng chứng kiến, như: Tổ chức lễ hội “chui”, hình thành lai lịch “giả” cho các vị thần được tôn thờ...

5. Ngày nay, người ta cho rằng, di sản là một dạng sản phẩm văn hóa, đáp ứng nhu cầu của xã

hội hiện tại. Với tư cách là một sản phẩm văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể có những logic vận hành phù hợp với vai trò của nó trong xã hội hiện tại. Theo Getz, các lễ hội có vai trò quan trọng đặc biệt như: kích thích nhu cầu tham quan của khách du lịch, tạo tính hấp dẫn cho điểm tham quan, xây dựng hình ảnh cho một vùng đất cũng như là tác nhân kích thích phát triển đô thị, xã hội, hình thành du lịch thay thế và đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững⁷. Còn Ringer cho rằng, thứ nhất, di sản được xem như một nguồn lực về văn hóa có giá trị trong tự bản thân nó; thứ hai, di sản được xem như một nguồn lực về chính trị trong việc tạo nên sự ủng hộ của người dân đối với chính quyền; thứ ba, di sản được xem như một nguồn lực về kinh tế thông qua các hỗ trợ hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp cho các hoạt động kinh tế ấy⁸.

Di sản giờ đây đã được xem là một lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp văn hóa. Như vậy, việc quản lý di sản được hiểu theo nghĩa rộng hơn nhiều. Đó không chỉ hoàn toàn là công việc trực tiếp liên quan đến di sản, mà chính là sự quản lý một xã hội thu nhỏ. Để cụ thể hoá vấn đề nêu ra trên đây, chúng ta lấy một lễ hội truyền thống làm ví dụ. Việc tổ chức, quản lý một lễ hội truyền thống không đơn giản chỉ xoay quanh việc phục



Một giá hầu đồng - Ảnh: Khánh Trang

hội, bảo tồn hay phát huy bản thân lễ hội truyền thống ấy, mà nó còn liên quan đến hàng loạt công việc, như: lập kế hoạch, nguồn nhân lực tổ chức tham gia lễ hội, tuyên truyền, marketing, tìm kiếm nguồn tài trợ, dịch vụ hậu cần, an ninh, y tế, vệ sinh thực phẩm, hay phát triển các cơ sở hạ tầng có liên quan... Dù quy mô các lễ hội có thể khác nhau, nhưng các vấn đề đặt ra như trên vẫn cần có sự quan tâm quản lý từ các cấp, các ngành. Chính vì vậy, mọi quy định quản lý lễ hội khi ban hành cần phải tính đến các tác nhân có thể xảy ra này.

Nhìn chung, sáng tạo là bản chất của văn hóa. Đối với văn hóa phi vật thể, quá trình sáng tạo này là không ngừng nghỉ, nhờ đó, tạo ra sự phong phú và đa dạng của văn hóa. Khó có thể coi sinh hoạt văn hóa nào mang tính nguyên gốc, độc nhất vô nhị, giá trị vượt trội hơn so với các sinh hoạt văn hóa khác. Ở một khía cạnh nào đó, văn hóa là sự khác biệt, sự phù hợp với một cộng đồng, một hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Vì thế, không có văn hóa tốt hơn và văn hóa kém hơn. Trong bối cảnh tương đối văn hóa đó, thay vì đi tìm câu trả lời cho tính chân thực của văn hóa phi vật thể, tốt hơn hết chúng ta nên xem xét các văn hóa phi vật thể ấy đóng vai trò như thế nào trong xã hội hiện

tại. Một ý nghĩa nhân văn, giá trị cổ kết cộng đồng, ý thức chung về một cội nguồn hay nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội,... có ý nghĩa hơn nhiều so với việc loay hoay đi tìm câu trả lời cho tính chân thực của di sản./.

B.H.8

Chú thích:

1, 2- Bortolotto C., (2013), "Authenticity: A Non-Criterion for Inscription on the Lists of UNESCO's Intangible Cultural Heritage Convention", in *2013 IRCI Meeting on ICH - Evaluating the Inscription Criteria for the Two Lists of UNESCO's Intangible Cultural Heritage Convention - the 10th Anniversary of the 2003 Convention - Final Report*. Published by International Research Centre for Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region (IRCI) pp. 73 - 79.

3, 4- ITH/11/6.COM/CONF.206/13 và ITH/12/7.COM/11.

5- Herbert, D. T. (ed.) (1995), *Heritage, Tourism and Society*, London: Mansell Publishing Limited, pp. 22.

6- Hitchcock, M. (1997), "Heritage for whom? Tourism and Local Communities", in Nuryanti, W. (1997), *Tourism and Heritage Management*, Gadjah Mada University Press, pp. 201 - 211.

7- Getz, D. (1990), *Festivals, Special Events, and Tourism*, New York: Van Nostrand Reinhold, pp.5.

8- Ringer, G. (ed.) (1998), *Destinations: Cultural Landscapes of Tourism*, London, Routledge, pp. 63.

(Ngày nhận bài: 14/12/2016; ngày phản biện đánh giá: 27/12/2016; ngày duyệt đăng bài: 03/01/2017).